

Name: \_\_\_\_\_

Date: ... / ... /20...

Class: S2

Tel: 034 200 9294

## GLOBAL ENGLISH 2

### Unit 6: All about bugs – Grammar 1

❖ *Lưu ý: Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé*

#### A. New grammar

\* **Present simple: use question words to ask basic questions** (Dùng từ để hỏi ở hiện tại đơn)

Một số từ để hỏi (Wh-words): **What** (hỏi vật), **How** (hỏi cách thức), **Where** (hỏi địa điểm)

	Cấu trúc	Ví dụ
<b>Động từ to be</b>	<b>What / Where / How + am / is / are + S + ...?</b>	<p>- <b>Where is the butterfly?</b> (Con bướm ở đâu rồi?) ⇒ It's above the tree. (Nó ở phía trên cái cây.)</p> <p>- <b>What are they?</b> (Chúng là gì vậy?) ⇒ They are lions. (Chúng là những con sư tử.)</p>
<b>Động từ thường</b> (trường hợp có trợ động từ)	<b>What / Where / How + do / does + S + V + ...?</b>	<p>- <b>How do they get there?</b> (Họ đến đó bằng cách nào?) ⇒ They get there by a car. (Họ đi bằng một chiếc xe ô tô.)</p> <p>- <b>Where does he work?</b> (Anh ấy làm việc ở đâu?) ⇒ He works at the office. (Anh ấy làm việc ở văn phòng.)</p>

#### B. Homework

I. Circle the correct answers. There is one example.

0. **Where** / **When** is your birthday? - It is on October 26<sup>th</sup>.

1. **How** / **What** does she go to the zoo? - She goes to the zoo by taxi.

2. **How** / **What** does the boy do? - He is a window cleaner.

3. **What** / **Where** do they meet? - They meet at a restaurant.

4. **How** / **What** do you eat for lunch? - I eat bread.

5. **Where** / **How** does John sit? - He sits next to Danny.

**II. Fill in the blank with WHAT / WHERE. There is one example.**

0. What is this? - It is a banana.

1. \_\_\_\_\_ is Dave? - He is at home.

2. \_\_\_\_\_ are the crayons? They are on the table.

3. \_\_\_\_\_ are those? Those are my new shoes.

4. \_\_\_\_\_ is my bicycle? It's behind the door.

5. \_\_\_\_\_ is this? It's my hat.

**III. Match the questions (1 - 4) with the answers (a - d). There is one example.**

0. How is your day?	a. It is an animal.
1. What do you bring to school?	b. They live on Green street.
2. How does he cut the rope?	c. I bring a pen and two notebooks to school.
3. What is a rabbit?	d. He cuts the rope with a knife.
4. Where do they live?	e. It is good.

**IV. Rearrange the words to make meaningful sentences. There is one example.**

0. make a sandwich? / do you / How

=> How do you make a sandwich?

1. live? / Jenny / does / Where

=> \_\_\_\_\_?

2. you / How / eat yogurt? / do

=> \_\_\_\_\_?

3. Where / students? / the / are

=> \_\_\_\_\_?

4. How / your brother / does / go to work?

=> \_\_\_\_\_?

**Lưu ý:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc



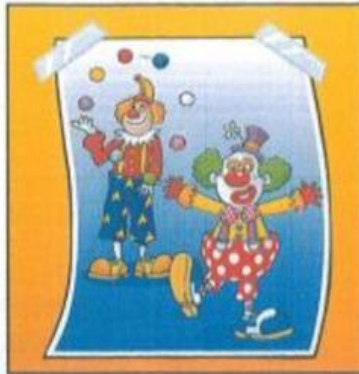
Con nghe bài theo link sau:  
<https://www.youtube.com/watch?v=w1pv0ekevY8>

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

Which poster did Jim buy?



A ☒



B ☐



C ☐

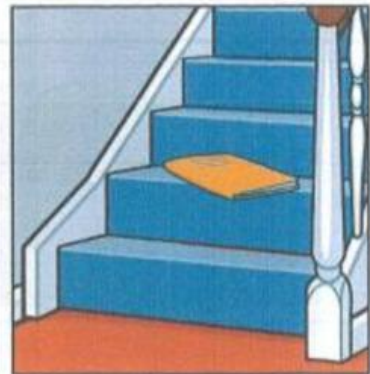
1 Where is John's homework?



A ☐



B ☐

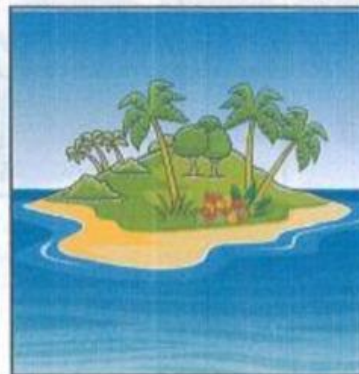


C ☐

2 Which place did Lily dream about last night?



A ☐



B ☐



C ☐

3 What is Mary doing now?



A ☐



B ☐



C ☐

4 Where did Paul lose his watch?



A ☐



B ☐



C ☐

5 Which sport did Tom do yesterday?



A ☐



B ☐



C ☐



**I. Circle the correct answer.**

0. A: I want a glass of milk.

B: I want a glass of milk **(too)** / but.

1. A: I have a marker.

B: Mike has a marker **and** / too.

2. He likes drawing animals, **but** / **too** she likes drawing bugs.

3. Joshua **too** / **and** Maya are playing board games.

4. Hayley wants a dog. Diana wants a dog **and** / **too**.

5. I want a green car, **but** / **too** they want a red car.

**II. Rearrange the sentences. There is one example.**

0. The / wide. / is / river

⇒ The river is wide.

1. is / long. / The bridge / 200 metres

⇒ \_\_\_\_\_.

2. small / The mouse / footsteps. / has

⇒ \_\_\_\_\_.

3. in the afternoon. / The town / quiet / was

⇒ \_\_\_\_\_.

4. I / loud / hear / in the garden. / music

⇒ \_\_\_\_\_.

5. to measure / Susan / a pen. / uses a ruler

⇒ \_\_\_\_\_.